

Tên doanh nghiệp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
Trụ sở chính: số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
Số điện thoại: (84-24) 39288869 **Fax:** (84-24) 39288867
Giấy phép hoạt động số: 0042/NH-GP ngày 12/08/1993 do NHNN Việt Nam cấp
Giấy chứng nhận kinh doanh số: 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 08/09/1993, thay đổi lần thứ 38 ngày 10/07/2017

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2017

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VPBANK

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2013;
- Căn cứ Điều lệ VPBank;
- Căn cứ Công văn số 87/2017/CV-HĐQT ngày 17/07/2017 của Hội đồng Quản trị VPBank về khoản vay thương mại trung hạn từ IFC;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 01/08/2017;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua và phê duyệt: (i) khoản vay thương mại trung hạn kèm quyền chuyển đổi thành cổ phần phổ thông từ Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), và (ii) việc ký kết Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi ngày 31 tháng 05 năm 2017 giữa VPBank và IFC (*Bên cho vay*) (*Sau đây gọi là "Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi"*), với các nội dung chủ yếu dưới đây:

- Loại khoản vay:** vay thương mại trung hạn kèm quyền được chuyển đổi dư nợ gốc thành cổ phần phổ thông của Bên cho vay
- Giá trị khoản vay:** 57.000.000 USD (*Năm mươi bảy triệu đô la Mỹ*) ("**Khoản vay**")
- Đồng tiền vay:** USD
- Thời hạn vay:** tối đa hai (02) năm kể từ ngày ký Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi và có thể được gia hạn thêm tối đa hai (02) năm nếu cổ phiếu của VPBank không được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) trong vòng một năm kể từ ngày của Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi
- Lãi suất vay:** thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần theo nguyên tắc bằng lãi suất

liên ngân hàng London (LIBOR) kỳ hạn 6 tháng + 3,2%/năm

6. Giá trị khoản nợ được chuyển đổi:

là số tiền tương đương với phần dư nợ gốc của Khoản vay mà IFC quyết định thực hiện quyền chuyển đổi thành cổ phần phổ thông như thỏa thuận với IFC theo quy định tại Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi tại Giá Chuyển đổi theo công thức nêu tại Khoản 9 Điều 1 này. Phần giá trị của khoản nợ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sẽ được xác định cụ thể và ghi trong thông báo chuyển đổi được gửi đến VPBank ("**Thông báo Chuyển đổi**") tại thời điểm thích hợp như quy định tại Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi

7. Loại cổ phiếu chuyển đổi:

cổ phiếu phổ thông

8. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán để chuyển đổi:

tối đa 5% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành của VPBank tại thời điểm chuyển đổi hoặc số lượng lớn hơn theo sự chấp thuận của VPBank; khối lượng cụ thể sẽ được IFC xác định và thông báo cho VPBank tương ứng với mức Giá Chuyển đổi, Giá Chuyển đổi Một Cổ phần (giá phát hành riêng lẻ tính trên một cổ phần) và tỷ lệ hoán đổi theo quy định tại Khoản 9 của Điều này tại thời điểm phát hành riêng lẻ

9. Phương pháp xác định Giá Chuyển đổi, tỷ lệ hoán đổi

9.1. Giá Chuyển đổi Một Cổ phần

$$\text{Giá Chuyển đổi Một Cổ phần} = \frac{\text{Tổng giá trị tính bằng VND của giá mua được thanh toán cho tất cả giao dịch của cổ phiếu VPBank trong một ngày giao dịch theo thông báo của Sở giao dịch chứng khoán mà cổ phiếu của VPBank được niêm yết trong giai đoạn tính toán}}{\text{Tổng số cổ phiếu được giao dịch trong giai đoạn tính toán}} \times 80\%$$

Giai đoạn tính toán là: (i) sáu (06) tháng liên tục ngay trước ngày IFC phát hành Thông báo Chuyển đổi, hoặc (ii) trong một khoảng thời gian ngắn hơn tính từ ngày cổ phiếu

VPBank được niêm yết trên HNX/HOSE cho đến ngày IFC phát hành Thông báo Chuyển đổi.

9.2. Giá Chuyển đổi

$$\text{Giá Chuyển đổi} = \frac{\text{Giá Chuyển đổi Một Cổ phần (như được xác định theo công thức nêu tại Khoản 9.1) được quy đổi theo tỷ giá VND/USD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") công bố vào ngày IFC phát hành Thông báo Chuyển đổi}}{\text{số Cổ Phần Chuyển Đổi (được xác định theo quy định của Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi và được ghi trong Thông báo Chuyển đổi)}}$$

9.3. Tỷ lệ hoán đổi

$$\text{Tỷ lệ hoán đổi} = 1 : \text{Giá Chuyển đổi Một Cổ phần}$$

(cứ mỗi [Giá Chuyển đổi Một Cổ phần] dư nợ gốc được chuyển đổi thành 01 cổ phần)

10. Hình thức phát hành:

chào bán riêng lẻ cho một nhà đầu tư là IFC

11. Thời điểm chuyển đổi:

bất kỳ một thời điểm nào theo thông báo của IFC trong khoảng thời gian kể từ ngày cổ phiếu của VPBank được niêm yết trên HNX hoặc HOSE đến ngày đáo hạn cuối cùng của khoản vay thương mại trung hạn kèm quyền được chuyển đổi dư nợ gốc thành cổ phần phổ thông của Bên cho vay

12. Hạn chế chuyển nhượng:

trong phạm vi luật định, toàn bộ số cổ phiếu của đợt phát hành riêng lẻ để hoán đổi nợ vay thành cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (01) năm kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành

13. Khóa room sở hữu nước ngoài tương ứng sau khi phát hành thành công.

14. Thời điểm tăng vốn điều lệ:

tại thời điểm chuyển đổi, VPBank sẽ thực hiện phát hành

riêng lẻ số Cổ phần Chuyển đổi (được xác định theo quy định tại Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi) để chuyển đổi Giá trị khoản nợ được chuyển đổi thành cổ phiếu của VPBank và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi đó. Đồng thời, VPBank cũng sẽ niêm yết bổ sung và đăng ký, lưu ký số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi nêu trên tại HNX hoặc HOSE và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) theo đúng quy định của pháp luật

15. Tổ chức tư vấn phát hành:

ủy quyền cho Hội đồng Quản trị (HĐQT) quyết định lựa chọn Công ty tư vấn có năng lực và khả năng thực hiện thành công đợt phát hành riêng lẻ cho IFC

16. Tổ chức thẩm định giá độc lập:

ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn tổ chức có năng lực và kinh nghiệm thực hiện đánh giá phương pháp xác định giá chuyển đổi và tỷ lệ hoán đổi Giá trị khoản nợ được chuyển đổi thành cổ phần

17. Phương án sử dụng vốn:

cho vay lại đối với các doanh nghiệp vi mô, doanh nghiệp vừa và nhỏ đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của IFC

Điều 2. Cổ đông của VPBank đồng ý từ bỏ quyền ưu tiên mua đối với cổ phần mới được phát hành cho IFC để thực hiện việc chuyển đổi nợ thành cổ phần phổ thông như được quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này.

Điều 3. Thông qua các nội dung giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định, phê chuẩn và tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Nghị quyết này và các vấn đề phát sinh trong việc thực hiện các nội dung này, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

1. Lập và triển khai phương án chi tiết liên quan đến việc phát hành riêng lẻ cổ phần mới cho IFC để chuyển đổi nợ thành cổ phần phổ thông ("**Phương án**") như được quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc quyết định cụ thể thời điểm chuyển đổi, giá phát hành, số lượng cổ phần phát hành để chuyển đổi nợ, tỷ lệ chuyển đổi và phương thức

chuyển đổi theo yêu cầu của IFC như quy định tại Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi, lựa chọn tổ chức tư vấn, tổ chức thẩm định giá độc lập và các điều khoản chi tiết khác trong phạm vi luật định.

2. Quyết định tổng giá trị giải ngân thực tế của khoản vay trong hạn mức tối đa là 57.000.000 USD (*Năm mươi bảy triệu đô la Mỹ*), tùy thuộc vào điều kiện thị trường và nhu cầu, thực tế hoạt động kinh doanh của VPBank.

3. Điều kiện chống pha loãng: trong thời gian kể từ thời điểm IFC phát hành Thông báo Chuyển đổi đến khi chuyển đổi, để đảm bảo quyền lợi của Bên cho vay, Giá Chuyển đổi sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi như sau:

(i) Trong trường hợp VPBank chia lại cổ phiếu thông qua việc chia, tách hay hình thức khác, hoặc gộp cổ phần, hoặc phát hành cổ phần bổ sung dưới hình thức cổ tức hoặc phân phối, Giá Chuyển đổi Một Cổ phần sẽ được điều chỉnh bằng cách nhân Giá Chuyển đổi Một Cổ phần có hiệu lực ngay trước khi tách, gộp hoặc phát hành cổ phần với phân số sau: *A/B, trong đó:*

+ A là tổng số cổ phần được phát hành ngay trước khi gộp, tách hoặc phát hành thêm cổ phần, tùy theo từng trường hợp; và

+ B là tổng số cổ phần được phát hành ngay sau khi và là kết quả của việc gộp, tách hoặc phát hành thêm cổ phần nêu trên, tùy theo từng trường hợp.

Việc điều chỉnh này sẽ có hiệu lực như thỏa thuận với IFC tại Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi.

(ii) Ngoại trừ trường hợp phát hành cổ phần theo chương trình phát hành cổ phần cho cán bộ nhân viên đã được thông báo cho IFC và được IFC phê duyệt bằng văn bản, trong trường hợp VPBank phát hành: (A) cổ phần; hoặc (B) chứng khoán vốn khác, trong từng trường hợp, việc điều chỉnh sẽ được thực hiện với mức giá phát hành, chuyển đổi hoặc trao đổi một cổ phần thấp hơn Giá Chuyển đổi Một Cổ phần có hiệu lực ngay trước khi phát hành, Giá Chuyển đổi Một Cổ phần sẽ được điều chỉnh để bằng với giá một cổ phần thấp hơn của các chứng khoán vốn và/hoặc cổ phần được phát hành này. Việc điều chỉnh này sẽ có hiệu lực theo như thỏa thuận với IFC tại Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi.

4. Phê chuẩn và triển khai phương án chi tiết sử dụng vốn thu được từ việc đi vay.

5. Phê chuẩn và ký các hợp đồng, tài liệu, hồ sơ khác liên quan đến Khoản vay ghi tại Điều 1 Nghị quyết này.

6. Phê chuẩn các hợp đồng, tài liệu, hồ sơ xin chấp thuận, đăng ký và các tài liệu khác liên quan đến việc: (i) vay Khoản vay kèm quyền chuyển đổi thành cổ phần phổ thông, và (ii) phát hành, niêm yết, đăng ký và lưu ký số cổ phiếu phát hành phục vụ cho mục đích chuyển Giá chuyển đổi thành cổ phần ghi tại Điều 1 Nghị quyết này.

7. Quyết định mức tăng vốn điều lệ cụ thể tại từng thời điểm tương ứng với số cổ phần được phát hành cho mục đích chuyển đổi và hoàn tất các thủ tục cần thiết để tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật và Điều lệ của VPBank.

8. Tổ chức thực hiện các công việc cần thiết để: (i) đăng ký Khoản vay với NHNN, (ii) hoàn tất các thủ tục phát hành riêng lẻ, niêm yết, đăng ký và lưu ký bổ sung số cổ phiếu phát hành cho mục đích chuyển đổi nói trên tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, HNX hoặc HOSE và VSD, (iii) sửa đổi, bổ sung xác nhận đăng ký Khoản vay với NHNN và các cơ quan khác có liên quan sau khi phát hành riêng lẻ theo quy định pháp luật Việt Nam, và (iv) thực hiện các thủ tục cần thiết nhằm sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan của Điều lệ và Giấy phép của VPBank sau khi hoàn tất việc phát hành riêng lẻ theo quy định của pháp luật.

9. Quyết định các công việc khác có liên quan hay phát sinh từ việc thực hiện Khoản vay kèm quyền chuyển đổi thành cổ phần phổ thông như ghi tại Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 4. Quyết định rằng khi IFC thực hiện quyền chuyển đổi nợ thành cổ phần phổ thông, sẽ thông qua một nghị quyết chấp thuận các vấn đề liên quan trong phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc chuyển đổi nợ thành cổ phần phổ thông, cũng như việc phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho IFC để thực hiện việc chuyển đổi theo quy định của pháp luật và Điều lệ của VPBank (nếu cần thiết). HĐQT sẽ trình các vấn đề này cho Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 5. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. HĐQT VPBank chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tuân thủ các nghĩa vụ báo cáo liên quan với NHNN theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Nơi nhận:

- Cổ đông VPBank (đăng trên website của VPBank);
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP HĐQT.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

